

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2018/HC-PT**

Ngày: 30-5 - 2018

V/v : “**Khởi kiện QĐ xử phạt vi phạm
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai.**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Ngọc Minh

Các Thẩm phán: ông Trần Hà và ông Lương Quang.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 13/4/2018 và ngày 30/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 08/2017/TLPT-HC ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc “**Khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai**”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HCST ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Trình Thị T, sinh năm 1970, trú tại Khu phố L, phường P, Tp. TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: bà Trần Thị Như T – Luật sư Văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Khu phố mới H, Phường M, Tp. TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch UBND phường P, Tp. TH, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Đức T – Phó Chủ tịch UBND

phường. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Văn V, sinh năm 1970; trú tại Khu phố L, Phường P, Tp. TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1958, trú tại: Khu phố L, Phường P, Tp. TH, Phú Yên. Có mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trình Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Bà Trình Thị T trình bày:***

Vợ chồng bà Trình Thị T, ông Võ Văn V đang sử dụng diện tích đất do ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị T (cha mẹ ông Võ Văn V) khai phá đất bàn chải vào năm 1967, đến năm 1996, ông K, bà T cho lại các con.

Năm 2015, vợ chồng bà tiến hành xây nhà. UBND phường P cho rằng bà xây dựng nhà trên đất người khác đã bị Nhà nước thu hồi. Năm 2015, UBND phường P ra Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm. Không đồng ý, bà T khiếu nại đến UBND thành phố TH, UBND phường P. Ngày 14/7/2016, UBND phường P ra Quyết định hủy các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế đối với bà trước đây.

Ngày 02/8/2016, UBND phường tiếp tục lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trình Thị T.

Ngày 03/8/2016, UBND phường ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính xử phạt bà 4.000.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Ngày 10/8/2016, bà T có đơn khiếu nại Quyết định xử phạt ngày 03/8/2016 của Chủ tịch UBND phường P nhưng không được giải quyết.

Ngày 01/3/2017, bà T nhận được Quyết định số 32/QĐ-CC của Chủ tịch UBND phường P về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 99/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016.

Không đồng ý, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 99/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 về “xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” và Quyết định số 32/QĐ-CC ngày 01/3/2017 về “Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính” của Chủ tịch UBND phường P. Các Quyết định này đã xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Nếu nhà nước xử phạt gia đình bà xây dựng nhà không xin phép thì ông bà chấp nhận nộp phạt, không chấp nhận tháo dỡ vì không còn nơi ở nào khác.

****Người bị kiện UBND phường P, Tp. TH và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:***

Theo tài liệu quản lý đất đai ở địa phương, diện tích đất hộ Trình Thị T, Võ Văn V xây dựng nhà ở thuộc đất rừng phòng hộ, trước đây đã cấp cho ông Nguyễn Thanh S (sổ lâm bạ là 5.000m²), khi thực hiện dự án khu đô thị Nam Thành phố TH đã thực hiện việc bồi thường cho hộ ông Nguyễn Thanh S, chỉ bồi thường cây trồng trên đất, không bồi thường giá trị đất. Do đó, diện tích đất này hiện nay do địa phương quản lý và toàn bộ diện tích đất này trùng quy hoạch khu đô thị Nam thành phố TH giai đoạn 2. Năm 2015, bà T đến chiếm đất này xây dựng nhà nên UBND phường P đã lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do đó, việc Chủ tịch UBND phường P xử phạt bà T xây dựng nhà trái phép trên đất do Nhà nước quản lý là đúng quy định pháp luật, yêu cầu Tòa giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 99/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 32/QĐ-CC ngày 01/3/2017 về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính của Chủ tịch UBND phường P.

Đất hiện nay vợ chồng ông V, bà T sử dụng thuộc quyền quản lý của Nhà nước, đồng thời trùng quy hoạch dự án khu đô thị Nam Thành phố TH nên việc hộ bà T xây dựng nhà trên đất trái phép thì phải tháo dỡ trả nguyên hiện trạng, không cần thông báo việc thu hồi cho hộ bà T. Dự án này đã được công khai tại địa phương.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn V: thống nhất trình bày của bà Trình Thị T.***

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh S trình bày:*** Diện tích đất trồng rừng của ông bị Nhà nước thu hồi vào năm 2008. Hiện nay ông không thể xác định được vị trí đất. Tuy nhiên đất của bà T đang cất nhà ở không thuộc đất trồng rừng của ông trước đây.

****Tại bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HCST ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Tuy Hòa đã quyết định:***

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trình Thị T.

Công nhận các Quyết định số 99/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 về “Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” và Quyết định số 32/QĐ-CC ngày 01/3/2017 về “Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính” của Chủ tịch UBND phường P là đúng pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, bà Trình Thị T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Các đương sự giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định xử phạt hành chính số 99/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 về “Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” và Quyết định số 32/QĐ-CC ngày 01/3/2017 về “Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính” của Chủ tịch UBND phường P.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà trình bày quan điểm và đề xuất giải quyết vụ án hành chính theo hướng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các bên đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đối tượng khởi kiện và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung kháng cáo: bà T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà là hủy: Quyết định hành chính số 99/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 về “Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” của Chủ tịch UBND phường P; Quyết định số 32/QĐ-CC ngày 01/3/2017 về

“Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính” của Chủ tịch UBND phường P, thành phố TH.

[3] Về vị trí đất khởi kiện, thời điểm xây dựng nhà: Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/8/2017, thể hiện vị trí đất có ranh giới cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất trống, phía Tây giáp nhà Võ Thị Bích H, phía Nam giáp đường đi, phía Bắc giáp đường đi. Thời điểm xây dựng nhà của bà T thì người khởi kiện và người bị kiện thống nhất là xây dựng vào năm 2015.

[4] Về đối tượng khởi kiện: Ngày 03/8/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành Quyết định số 99/QĐ-XPVPHC quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với bà Trình Thị T về hành vi vi phạm chiếm đất rừng phòng hộ do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai (gọi tắt là QĐ số 99). Ngày 01/3/2017, Chủ tịch UBND phường P ra Quyết định số 32/QĐ-CC cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 99/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 (gọi tắt là QĐ số 32).

[5] Về nguồn gốc đất: Người khởi kiện bà Trình Thị T cho rằng đất gia đình bà xây dựng nhà vào năm 2015 là do cha mẹ chồng bà Võ Văn K, Nguyễn Thị T cho năm 1992. Người bị kiện cho rằng đất gia đình bà T xây dựng trên đất rừng phòng hộ của ông Nguyễn Thanh S đã bị Nhà nước thu hồi, quản lý từ năm 2008. Hiện nay là đất rừng phòng hộ do Nhà nước quản lý.

[6] Xét tờ bản đồ đo đạc năm 1992 (BL99) tại vị trí đất của bà T khởi kiện thể hiện loại đất phi lao do Nhà nước quản lý. Năm 1994, UBND huyện TH (cũ) giao đất theo Chương trình PAM 4304 cho hộ ông Nguyễn Thanh S (BL60). Bản đồ địa chính năm 1997 không thể hiện thửa đất, diện tích và loại đất (BL100).

[7] Quá trình thu hồi đất của ông S thể hiện:

Ngày 01/8/2006, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên có Quyết định số 1146/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu tái định cư phục vụ dự án khu đô thị mới Nam thành phố TH (BL28). Tại thời điểm thống kê diện tích đất bị ảnh hưởng công trình khu tái định cư phục vụ Dự án Khu đô thị mới Nam thành phố TH thì thửa đất số 37, diện tích đất bị giải tỏa là 1878.7m², theo sổ lâm bạ là của ông Nguyễn Thanh S do Hạt Kiểm lâm TH cấp vào năm 1995 diện tích sử dụng là 0.5ha (5000m²), mục đích sử dụng là trồng rừng (BL425).

Ngày 24/8/2007, Công ty TNHH T đo đạc và lập danh sách chủ sử dụng theo hiện trạng khu tái định cư phục vụ khu đô thị mới Nam thành phố TH, trong đó có

hộ ông Nguyễn Thanh S, thửa 306, diện tích 5000m², thu hồi 2387.9m², còn lại 2612.1m² đất ký hiệu RPT (BL27). Ngày 05/11/2007: UBND thành phố TH ra QĐ số 3136/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thi công Công trình: Khu tái định cư phục vụ khu đô thị mới Nam thành phố TH Giai đoạn 2 – Đợt 1. (BL26), Hộ ông Nguyễn Thanh S được bồi thường 810.000 đồng tiền cây cối, hoa màu, không được bồi thường về đất. (BL25).

Ngày 11/01/2008, UBND Tp. TH có Quyết định số 103/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Thanh S tại thửa 457, tờ bản đồ địa chính số 9 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố TH lập ngày 17/12/2007 (BL21). Vị trí đất thu hồi thể hiện tại trích lục bản đồ địa chính khu đất do Công ty TNHH T lập ngày 01/8/2007, Phòng TN&MT thành phố TH xác nhận (BL21).

Quá trình làm việc với UBND phường P và ông Nguyễn Thanh S là chủ đất đều thống nhất là toàn bộ diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Thanh S đã bị thu hồi, không được bồi thường về đất, chỉ bồi thường cây cối trên đất với tổng giá trị bồi thường là 810.000 đồng. Ông S không khiếu nại gì về diện tích đất thu hồi, giá trị bồi thường.

Như vậy, ông S được xác định là chủ sử dụng trên diện tích đất 5.000m² nêu trên từ năm 1995 cho đến năm 2007 khi Nhà nước thực hiện Dự án, ra quyết định thu hồi đất của ông S. Diện tích đất của ông Nguyễn Thanh S bị Nhà nước thu hồi vào năm 2007, trước thời điểm bà T xây dựng nhà là năm 2015. Do đó, thời điểm nhà nước thu hồi đất của ông S thể hiện chỉ có cây trồng trên đất, không có nhà ở, vật kiến trúc khác trên đất là có cơ sở.

[8] Quá trình giải quyết vụ án, ông S cho rằng diện tích đất rừng Nhà nước giao cho gia đình ông không liên quan gì đến diện tích đất mà hiện nay bà Trình Thị T đang khởi kiện. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/9/2017 tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông S trình bày hiện trạng thay đổi nên không xác định được vị trí, ranh giới của 5000m² đất PAM, đề nghị căn cứ vào sổ lâm bạ, các hồ sơ tài liệu lưu giữ tại Phường P (BL226). Tại cấp phúc thẩm, ông S cũng tham gia vào quá trình giám sát đo đạc lại diện tích đất đang khởi kiện của bà T vào ngày 03/4/2018. Ông S tự xác định khu đất của ông được Nhà nước giao năm 1994 và bị thu hồi năm 2007. Tuy nhiên, ông S cũng thừa nhận việc chỉ vị trí đất là theo trí nhớ, không xác định được 3 điểm còn lại là có chính xác hay không (Căn cứ vào Biên bản giám sát đo đạc ngày 03/4/2018) (BL343). Như vậy, người khởi kiện không thể sử dụng bản đồ đo đạc hiện trạng của Công ty TNHH đo đạc khảo sát TV ngày 03/4/2018 do người khởi kiện hợp đồng đo đạc để chứng minh cho việc diện tích đất của người

khởi kiện bà T nằm ngoài diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Thanh S đã bị Nhà nước thu hồi.

[9] Trên cơ sở tọa độ vị trí thửa đất nhà bà Trình Thị T do Công ty TNHH đo đạc khảo sát TV cung cấp, Tòa án tiến hành xác minh tại Sở T, tỉnh Phú Yên là cơ quan chuyên môn quản lý về đất đai trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Tại cơ sở dữ liệu của Sở T cung cấp có dữ liệu điện tử bản đồ số của bản đồ địa chính năm 1997 trên địa bàn phường P (trước kia là Thị trấn PL), theo yêu cầu của Tòa án về việc trích xuất dữ liệu điện tử của bản đồ địa chính năm 1997 sau khi đã nhập tọa độ vị trí đất của gia đình bà T, vị trí đất của ông Nguyễn Thanh S đã bị Nhà nước thu hồi năm 2008. Trên cơ sở đó xác định vị trí đất của bà T đang khởi kiện hiện nay nằm chồng lên diện tích đất của gia đình ông S đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường năm 2008.

[10] Tòa án cũng tiến hành xác minh tại Chi cục K, tỉnh Phú Yên để xác định loại đất sử dụng của ông Nguyễn Thanh S tại thời điểm thu hồi. Ngày 11/4/2018, Chi cục K có văn bản số 349/CCKL-SDRTR về việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến đất ông Nguyễn Thanh S thuộc vụ án bà Trình Thị T kiện Quyết định hành chính. Theo đó, trên cơ sở hồ sơ thửa đất bị thu hồi của gia đình ông Nguyễn Thanh S xác định diện tích đất là đất có rừng trồng thuộc Tiểu khu V5.15, chức năng rừng phòng hộ (BL370). Việc xác định này hoàn toàn phù hợp với hồ sơ giao đất cũng như hồ sơ thu hồi đất của ông Nguyễn Thanh S tại hồ sơ vụ án. Và cũng xác định đất bà T khởi kiện nằm chồng lên diện tích đất của ông S đã bị Nhà nước thu hồi (BL364) đều thuộc Tiểu khu V5.15, chức năng rừng phòng hộ.

Như vậy, bà T cho rằng diện tích đất của gia đình bà hoàn toàn không liên quan đến diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Thanh S, nằm ngoài phạm vi đất của gia đình ông Nguyễn Thanh S bị Nhà nước thu hồi năm 2007 là không có cơ sở.

[11] Mặt khác, bà T cho rằng diện tích đất hiện nay gia đình bà đang sử dụng là do cha mẹ chồng bà là ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị T khai hoang, cho 7 người con sử dụng. Tuy nhiên, bà T không cung cấp giấy tờ chứng minh việc ông bà K, T khai phá vào năm 1968 và cho các con vào năm 1992. Trong hồ sơ địa chính do Nhà nước quản lý cũng không thể hiện diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị T đối với diện tích này. Bà T có cung cấp Đơn xin xác nhận nhà ở của ông Lê Xuân T ngày 14/8/2006, có xác nhận của UBND phường PL (BL số 5). Tuy nhiên, UBND phường PL ký xác nhận năm 2006 để xác nhận cho việc xây dựng nhà vào năm 1996 là thiếu cơ sở. Việc xác nhận của UBND phường PL đã được thanh tra thành phố TH xác định là sai phạm (BL306-309).

[12] Đối với các hộ em chồng bà T là Lê Xuân T (chồng của Võ Thị T), Võ Văn L, Võ Văn L1 thì khi thực hiện Tiểu Dự án 2: Đường từ Nam Cầu H đến khu công nghiệp HH1 thuộc Dự án Hạ tầng đô thị Nam Thành phố TH – V (Đoạn 3-đoạn còn lại dài khoảng 400m – đợt 2), các hộ gia đình này không được bồi thường về đất, phần diện tích chưa bồi thường nằm trong quy hoạch khu tái định cư Nam thành phố TH giai đoạn 2, đề nghị thu hồi hết thửa đất (BL456, 457). Các hộ gia đình này chỉ được bồi thường các tài sản, công trình trên đất (BL35, 85,83), đồng thời các hộ này được Nhà nước tạo điều kiện cho mua lô đất tái định cư với giá Nhà nước quy định, không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, do không có chỗ ở nào khác.

Từ những phân tích trên, việc gia đình bà T cho rằng đất hiện nay gia đình bà đang sử dụng có nguồn gốc từ cha mẹ chồng bà là ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị T khai hoang là không có cơ sở chấp nhận.

[13] Về quy trình xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Ngày 02/8/2016, UBND phường P lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trình Thị T, hành vi vi phạm: chiếm đất rừng phòng hộ do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở, vi phạm khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. (BL102). Ngày 03/8/2016: Chủ tịch UBND phường P ra Quyết định số 99/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 về “Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” đối với bà Trình Thị T. (BL10). Ngày 01/3/2017, UBND phường P ban hành Quyết định số 32/QĐ-CC cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trình Thị T. (BL09).

Xét quy trình xử phạt vi phạm hành chính của UBND phường P nêu trên là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 58, 66, 67,68, 86,87 Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật hướng dẫn. Thẩm quyền xử phạt đúng quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo các quy định tại mục III luật xử lý vi phạm hành chính, cụ thể tại các điều 73, 86, 87, 88 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Tâm, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[14] Về án phí, chi phí thẩm định: người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: bà Trình Thị T tự nguyện chịu các chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, giám sát đo đạc tại cấp sơ thẩm là 1.000.000 đồng, tại cấp phúc thẩm là 500.000 đồng. Bà T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Tuyên xử: Bác kháng cáo của bà Trình Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 99/QĐ-XPVPHC ngày 03/8/2016 về “xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” và Quyết định số 32/QĐ-CC ngày 01/3/2017 về “Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính” của Chủ tịch UBND phường P, thành phố Tuy Hòa. Vì không có căn cứ.

Giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 06/2017/HCST ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Tuy Hòa.

Về án phí:

Căn cứ Điều 344, 348, 349 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 3, Điều 18 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Người khởi kiện bà Trình Thị T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ. Được trừ vào tiền tạm ứng phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại các biên lai thu số 0005345 ngày 17 tháng 11 năm 2017 và biên lai thu số 0004652 ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, giám sát đo đạc: bà Trình Thị T phải chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, giám sát đo đạc. Bà T đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND Tp.Tuy Hòa (2);
- CQ THADS Tp.Tuy Hòa (1);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh